

PHỤ LỤC ĐH15

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện

(Quyết định số 457/QĐ-HV ngày 14/06/2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện - trình độ đại học hệ chính quy)

1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

a) Quy định chung:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp bài thi/môn thi tương ứng các ngành của Học viện.

c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ/lớp chuyên môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc gia; và có kết quả điểm trung bình

chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên (Như danh sách các trường THPT chuyên kèm theo).

Ghi chú: Đối với các thí sinh nếu chưa có điểm trung bình chung học tập lớp 12 có thể sử dụng điểm trung bình chung học tập học kỳ 1 lớp 12.

2. MỤC TIÊU, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Mục tiêu

Đào tạo đội ngũ cử nhân Truyền thông đa phương tiện theo hướng hội nhập quốc tế, làm chủ đồng thời kiến thức, kỹ năng về truyền thông và công nghệ đa phương tiện; có khả năng đảm nhiệm các công việc: chuyên viên truyền thông, PR, quảng cáo tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, nhà báo đa phương tiện tại các cơ quan thông tấn - báo chí, quản lý các dự án đa phương tiện, trợ lý, tư vấn truyền thông đa phương tiện, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

2.2. Kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức cụ thể sau:

Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về truyền thông và kiến thức nền tảng về đồ họa, nhiếp ảnh, quay phim như lý thuyết truyền thông, truyền thông quốc tế, PR, báo chí, quảng cáo, kỹ thuật nhiếp ảnh, quay phim, thiết kế đồ họa cơ bản.

Kiến thức chuyên ngành: trong giai đoạn chuyên ngành sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên sâu về báo chí đa phương tiện, quảng cáo đa phương tiện, quan hệ công chúng, quản lý và tư vấn dự án truyền thông đa phương tiện trên nền tảng các ứng dụng đa phương tiện như: đồ họa đa phương tiện, thiết kế web, sản xuất audio và video.

2.3. Kỹ năng

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình đại học ngành Truyền thông đa phương tiện có các kỹ năng sau:

- Viết và biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện; có kỹ năng tác nghiệp cơ bản của nhà báo đa phương tiện.

- Có kỹ năng tổ chức sự kiện, xây dựng và phát triển quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông.

- Có khả năng ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo đa phương tiện

- Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện

2.4. Kỹ năng mềm

Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng hội nhập môi trường quốc tế.

2.5. Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR) hay Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo

3. CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP, SINH HOẠT CHO NGƯỜI HỌC

- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.
- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.
- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 126 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm)

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	42
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	75
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành và ngành	45
	- Kiến thức chuyên ngành	30
3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	127

4.2. Nội dung chương trình

4.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	34	10		1		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	24	6				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6				
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	24	6				
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	24	6				
6	Tiếng Anh (Course 1)*	BAS1157	4						
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4						
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4						
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2						
10	Tin học cơ sở 1	INT 1154	2	20	4	4	2		2x(10 ^{LT} +2 ^{BT})
11	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6		3x(6 ^{LT} +2 ^{BT})
	Tổng:		29						
Kiến thức giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng									
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2		Kế hoạch riêng
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2		
3	Giáo dục quốc phòng	BAS1105	7.5						
Kiến thức kỹ năng (chọn 3/7)									
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1		Kế hoạch riêng
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1		
3	Kỹ năng tạo lập văn bản	SKD1103	1	6	8		1		
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1		
5	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	SKD1105	1	6	8		1		
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1		
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo và mạo hiểm	SKD1107	1	6	8		1		

(*): Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS 1156)

4.2.2. Kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
11	Lịch sử văn minh thế giới	MUL12117	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
12	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
13	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MUL1240	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
15	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	MUL1289	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
16	Nhập môn đa phương tiện	MUL1320	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
	Tổng:		13						

4.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

4.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành và ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
17	Nhập môn truyền thông	MUL1391	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
18	Lý thuyết truyền thông	MUL1392	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
19	Truyền thông xã hội	MUL1393	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
20	Truyền thông và dư luận xã hội	MUL1394	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
21	Pháp luật và đạo đức truyền thông	MUL13118	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
22	Các loại hình báo chí hiện đại	MUL13119	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
23	Nhập môn PR	MUL1395	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
24	Nhập môn quảng cáo	MUL13120	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
25	Thiết kế đồ họa cơ bản	MUL1426	3	32	12		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})+(8 ^{LT} +6 ^{BT})
26	Kỹ thuật nhiếp ảnh	MUL1313	3	32	12		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})+(8 ^{LT} +6 ^{BT})
27	Quay phim	MUL13147	3	32	12		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})+(8 ^{LT} +6 ^{BT})
28	Viết đa phương tiện	MUL1396	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
29	Biên tập văn bản báo chí	MUL1397	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
30	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	MUL1398	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
31	Phỏng vấn: Lý thuyết và thực hành	MUL1399	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
32	Diễn thuyết trước công chúng	MUL13100	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
33	Báo chí điều tra	MUL13101	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
34	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	MUL13102	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
Các học phần tự chọn (chọn 3/7)									
35	Kịch bản đa phương tiện	MUL1423	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
36	Thiết kế ấn phẩm báo chí	MUL1463	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
37	Đồ án thiết kế sản phẩm đa phương tiện	MUL14141	2	16	14				2x(8 ^{LT} +6 ^{BT}) + 2 ^{BT}
38	Thiết kế tương tác đa phương tiện	MUL1425	2	22	8				2x(10 ^{LT} +2 ^{BT}) + (2 ^{LT} +4 ^{BT})
39	Ngôn ngữ truyền thông	MUL13105	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
40	Truyền thông quốc tế	MUL13103	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
41	Kinh tế truyền thông	MUL13104	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
	Tổng:		45						

4.2.3.2. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chứa bài tập /Thảo luận				
42	Báo chí đa phương tiện	MUL14106	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
43	Báo chí dữ liệu	MUL14107	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
44	Lý thuyết PR	MUL14108	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
45	PR: Chiến lược và thực hành	MUL14109	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
46	Quảng cáo đa phương tiện	MUL14110	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
47	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL14111	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
48	Quản lý dự án truyền thông	MUL14112	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
49	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL14113	3	32	12		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (8 ^{LT} +6 ^{BT})
50	Ứng dụng thiết kế web	MUL14114	3	32	8	4	1		4x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
51	Ứng dụng sản xuất audio và video	MUL14115	3	32	12		1		5x(6 ^{LT} +2 ^{BT}) + (2 ^{LT} +2 ^{BT})
	Tổng:		26						

4.2.3.3. Thực hành chuyên sâu (MUL14116): 4TC

4.2.3.4. Thực tập tốt nghiệp (4TC) và Khóa luận tốt nghiệp (6TC) hoặc học phân thảy thể tốt nghiệp

5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

6. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Cử nhân Truyền thông Đa phương tiện có thể đảm nhiệm các công việc sau:

- Chuyên viên truyền thông tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; các bộ phận thông tin tổng hợp của các đơn vị, tổ chức chính trị xã hội.

- Nhà báo đa phương tiện: Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan thông tấn - báo chí.

- Chuyên viên PR, quảng cáo cho các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.

- Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện.

- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.